

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-7-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thế Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm.
2. Ông Lương Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 335/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1979 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Duy Q, sinh năm 1977 (vắng).

Cùng địa chỉ: đường 2/9, khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày:

Qua thời gian tìm hiểu, bà D và ông Q có tổ chức đám cưới và sống chung với nhau năm 2001; có đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hoàng H, tỉnh Thanh Hóa. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc.

Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, ông Q không quan tâm chăm sóc cho vợ con, thường xuyên đi vắng nhà và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác.

Bà Dung đã nhiều lần bỏ qua để giữ hạnh phúc gia đình nhưng ông Q vẫn không thay đổi. Từ đó, bà D và ông Q không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay bà D không còn tình cảm với ông Q, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà D và ông Q có 02 con chung; cháu Lê Trần Hồng H, sinh ngày 11/11/2003 đã trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà D yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Trần Hồng A, sinh ngày 27/7/2009. Theo đơn kiện bà D yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 2.500.000 đồng. Nay bà D rút lại yêu cầu cấp dưỡng này, bà không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi cháu A.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát :

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật các bên tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, nuôi con; bị đơn cư trú tại khu phố 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị D và ông Lê Duy Q có đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Đ, huyện Hoàng H, tỉnh Thanh Hóa. Hôn nhân tự nguyện, do đó hôn nhân giữa bà D và ông Q là hợp pháp.

Bà D yêu cầu ly hôn vì trong thời gian vợ chồng chung sống Q không quan tâm chăm sóc cho vợ con, thường xuyên đi vắng nhà và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài xã hội. Bà D nhiều lần bỏ qua để giữ hạnh phúc gia đình nhưng ông Q vẫn không thay đổi. Từ đó, bà D và ông Q không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018. Hiện tại, bà D không còn tình cảm với ông Q, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được do đó bà D yêu cầu ly hôn với ông Q.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Q đến tham gia hòa giải đoàn tụ, tham gia tố tụng cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông Q không tham gia và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Điều này cho thấy ông Q không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không muốn hàn gắn với bà D.

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà D và ông Q đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì hôn nhân, do đó yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ và được chấp nhận.

Về con chung: Bà D và ông Q có 02 con chung; cháu Lê Trần Hồng H, sinh ngày 11/11/2003 đã trưởng thành đủ 18 tuổi. Cháu Lê Trần Hồng A, sinh ngày 27/7/2009 hiện do bà D nuôi dưỡng đã ổn định và cháu A đã trên 7 tuổi có nguyện vọng sống chung với bà D. Bà D có thu nhập ổn định đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu A tốt. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà D giao cháu A cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con do bà D không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông Q cũng không có ý kiến gì vấn đề này nên không xem xét giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Các đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị D đối với bị đơn ông Lê Duy Q về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”; bà Trần Thị D được ly hôn với ông Lê Duy Q.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trần Hồng A, sinh ngày 27/7/2009 cho bà Trần Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Lê Duy Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà D và ông Q đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, ông Q được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2021/0005008 ngày 25/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Hoằng Đức, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thế Thị Ngọc Anh